



BỘ 20 ĐỀ ĐỌC HIỂU NGỮ VĂN 8 KÌ 2

giáo trình tiếng anh (Đại học Vinh)

ĐỀ 1

Phần I: Đọc – hiểu

Cho câu thơ:

"Đâu những bình minh cây xanh nắng gội"

(Ngữ văn 8- tập 2, trang 3)

Câu 1: Chép tiếp 5 câu thơ để tạo thành một đoạn thơ hoàn chỉnh

Câu 2: Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm nào? Của ai?

Câu 3: Xác định thể loại của tác phẩm em vừa tìm được. Ý nghĩa của đoạn thơ em vừa chép là gì?

Câu 4: Chỉ ra các câu nghi vấn trong đoạn thơ em vừa chép và nêu chức năng của các câu nghi vấn đó.

Phần II: Tập làm văn

Câu 1 : Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về khổ thơ em vừa chép.

Câu 2 : Thuyết minh về một trò chơi dân gian

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tung bùng?

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

– Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

Câu 2:

- Đoạn thơ trích trong văn bản "Nhớ rừng" của Thế Lữ

Câu 3:

- Thể loại: Thơ

- Ý nghĩa của đoạn thơ: Nỗi nhớ cảnh bình minh, hoàng hôn của con hổ trong quá khứ và tâm trạng của nó

Câu 4:

+ *Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?*
+ *Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?*
+ *Thời oanh liệt nay còn đâu?*

=> Các câu cầu khiến này dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Đoạn thơ “Đâu nhữngnay còn đâu?” là một đoạn thơ tiêu biểu thể hiện nỗi nhớ về quá khứ tự do hào hùng của con hổ

Triển khai: Triển khai làm rõ những nỗi nhớ trong quá khứ của “con hổ”:

- Cảnh bình minh: Hổ như một chúa tể tàn bạo cây xanh nắng gội là màn trướng, còn chim chóc như những bầy cung nữ đang hân hoan ca múa quanh giấc nồng.
- Bộ tứ bình khép lại bằng bức cuối cùng, cũng là bức ấn tượng hơn cả:
- Giọng điệu không còn là thở than, mà đã thành chất vấn đầy giận dữ và oai linh đối với quá khứ mà cũng là đối với hiện tại. Chúa sơn lâm hiện ra cũng với một tư thế hoàn toàn khác: tư thế kiêu hùng của một bạo chúa.
- Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng: Nền cảnh thuộc gam màu máu, gợi ra cảnh tượng chiến trường sau một cuộc vật lộn tàn bạo. Đó là máu của mặt trời ánh tà dương lúc mặt trời hấp hối, dưới cái nhìn kiêu ngạo của con mãnh thú, gợi được cái không gian đỏ máu của địch thủ mặt trời, vừa gợi được vẻ bí hiểm của chốn diễn ra cuộc tranh chấp đẫm máu.
- "Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt, Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật", bức tứ bình cuối cùng dường như đã thể hiện được bản chân ngạo nghệ siêu phàm của con thú như dẫm đạp lên bầu trời, cái bóng của nó cơ hồ đã trùm kín cả vũ trụ, tham vọng tỏ rõ cái oai linh của kẻ muốn thống trị cả vũ trụ này!

- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu? Tiếng than u uất bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ, nhớ cuộc sống tự do của mình, nhớ những cảnh không bao giờ còn thấy nữa giấc mơ huy hoàng đã khép lại.
- Biện pháp nghệ thuật: Điệp ngữ, câu hỏi tu từ, câu cảm thán, nhân hóa.

ĐỀ 2

Phần I: Đọc – hiểu

Cho đoạn thơ sau:

*“ Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt,
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua.
Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ,
Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm.
Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm,
Để làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi,
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự”*

(Ngữ văn 8- tập 2, trang 3)

Câu 1: Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Do ai sáng tác? Trình bày hoàn cảnh sáng tác của văn bản ấy.

Câu 2: Đại từ: “ta” trong ngữ liệu để chỉ nhân vật nào?

Câu 3: Chỉ ra một biện pháp tu từ tiêu biểu được sử dụng trong đoạn thơ và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 4: Câu:

*“ Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt,
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua.
Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ,
Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm*

thuộc kiểu câu nào theo mục đích nói và có chức năng gì?

Câu 5: Xác định nội dung chính của đoạn thơ trên.

Phần II: Tập làm văn

Câu 1 : Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về khổ thơ trên.

Câu 2 : Thuyết minh về trò chơi mang bản sắc Việt (đèn lồng, đèn kéo quân, ô ăn quan, rồng rắn lên mây...)

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

- Đoạn thơ trích trong văn bản "Nhớ rừng" của Thế Lữ
- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác vào năm 1934, sau được in trong tập Mấy vần thơ- 1935

Câu 2:

- Đoạn thơ trích trong văn bản "Nhớ rừng" của Thế Lữ

Câu 3:

- Biện pháp tu từ: Nhân hóa
- Tác dụng: Làm cho nhân vật trung tâm là con hổ như mang dáng dấp, tình cảm, suy nghĩ của con người, bởi vậy mà nhà thơ có thể diễn đạt thâm kín tâm sự của mình

Câu 4:

- Câu trên là câu trần thuật
- Chức năng: kể và bộc lộ tình cảm, cảm xúc

Câu 5:

- Nội dung chính đoạn thơ: Hình ảnh và tâm trạng con hổ khi bị nhốt trong vườn bách thú

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Đoạn thơ diễn tả chân thực và sinh động hình ảnh, tâm trạng của con hổ khi bị nhốt trong vườn bách thú

Triển khai:

- Hoàn cảnh bị nhốt trong cũi sắt, trở thành một thứ đồ chơi
- Tâm trạng căm hờn, phẫn uất tạo thành một khối âm thầm nhưng dữ dội như muốn nghiền nát, nghiền tan

- “Ta nằm dài” – cách xưng hô đầy kiêu hãnh của vị chúa tể => Sự ngao ngán cảnh tượng cứ chầm chậm trôi, nằm buông xuôi bất lực
 - “Khinh lũ người kia”: Sự khinh thường, thương lại cho những kẻ (Gấu, báo) tầm thường nhỏ bé, dở hơi, vô tư trong môi trường tù túng
- ⇒ Từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, giọng thơ u uất diễn tả tâm trạng căm hờn, uất ức, ngao ngán
- ⇒ **Tâm trạng của con hổ cũng giống tâm trạng của người dân mất nước, căm hờn và phẫn uất trong cảnh đời tối tăm.**

ĐỀ 3

Phần I: Đọc – hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Đọc phần văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

[...] *Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ có bóng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt của ông đồ. Tác giả đã có những chi tiết thật đắt: nơi ông đồ là bút mực, nơi trời đất là gió mưa, nơi xã hội là sự thờ ơ không ai hay. Thể thơ năm chữ vốn có sức biểu hiện những câu chuyện dâu bể, hoài niệm, đã tỏ ra rất đắc địa, nhịp điệu khơi gợi một nỗi buồn nhẹ mà thấm. Màu mưa bụi khép lại đoạn thơ thật ảm đạm, lạnh, buồn, vắng. Như vậy cũng chỉ với tám câu, bốn mươi chữ, đủ nói hết những bước chót của một thời tàn. Sự đối chiếu chi tiết ở đoạn này và đoạn trên: mực với mực, giấy với giấy, người với người, càng cho ta cái ấn tượng thẳng thót xót xa của sự biến thiên.*

[...]

(Vũ Quần Phương)

Câu 1: Đoạn văn trên khiến em liên tưởng tới văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ văn 8 kì 2? Trình bày tác giả và hoàn cảnh sáng tác của văn bản ấy.

Câu 2: Văn bản được viết theo thể thơ nào? Xác định PTBD của văn bản.

Câu 3: Em hiểu gì về khoảng thời gian “một thời tàn” mà tác giả Vũ Quần Phương nhắc đến trong phần văn bản trên? Qua đó, em có suy nghĩ gì về số phận ông đồ trong thời buổi ấy?

Câu 4: Trong văn bản được gợi nhắc từ đoạn văn trên có hai câu:

*“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay.”*

Cho biết tên và tác dụng của biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong hai dòng thơ ấy.

Câu 5 : Hãy trình bày bài học rút ra từ văn bản em vừa tìm được trong câu 1- Đọc- hiểu

Phần II: Tập làm văn

Câu 1 : Tại sao con người không thể sống thiếu tình yêu thương. Hãy viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ của bản thân mình

Câu 2 : Thuyết minh về một giống vật nuôi

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

- Đoạn văn trên khiến em liên tưởng tới văn bản: Ông đồ
- Tác giả: Vũ Đình Liên
- Hoàn cảnh sáng tác: Từ đầu thế kỉ XX, nền văn Hán học và chữ Nho ngày càng suy vi trong đời sống văn hóa Việt Nam, khi mà Tây học du nhập vào Việt Nam, có lẽ vì đó mà hình ảnh những ông đồ đã bị xã hội bỏ quên và dần vắng bóng. Vũ Đình Liên đã viết bài thơ Ông đồ thể hiện niềm ngậm ngùi, day dứt về cảnh cũ, người xưa.

Câu 2:

- Thể thơ: ngũ ngôn (5 chữ)
- PTBD: biểu cảm, kết hợp tự sự, miêu tả

Câu 3:

- Khoảng thời gian “một thời tàn” mà tác giả Vũ Quần Phương nhắc đến trong phần văn bản trên là giai đoạn Hán học suy vi, các nhà nho (ông đồ) từ vị trí trung tâm được coi trọng bị thời cuộc bỏ quên trở nên thất thế
- Số phận ông đồ trong thời điểm ấy rất đáng thương và tội nghiệp

Câu 4:

- + Phép hoán dụ : hoa tay (Ông đồ rất tài hoa, viết câu đối đẹp)
- + Phép so sánh : thảo - như - phượng múa rồng bay.
- + Sử dụng thành ngữ: “phượng múa rồng bay”: làm nổi bật vẻ đẹp trong nét chữ của ông: Nét chữ rất đẹp, bay bướm, uốn lượn, vừa phóng khoáng, bay bổng, song lại cao quý, oai phong, sống động, có hồn.

⇒ Với bút pháp miêu tả tinh tế, ngôn ngữ điêu luyện, trong hai câu thơ, tác giả như khắc hoạ trước mắt người đọc hình ảnh của ông đồ với đôi bàn tay già, gầy guộc đưa lên hạ xuống như bay như múa, như đang tung hoành trên nền giấy điều thắm tươi. Lúc này đây ông đồ như một người nghệ sĩ tài hoa trước công chúng

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Trong cuộc đời dài rộng của mình, con người có thể thiếu sót nhiều khía cạnh, nhưng chắc chắn, tình yêu thương là điều bất kì ai cũng không thể, không được thiếu.

Triển khai:

- Tình yêu thương là tình cảm yêu mến, đồng cảm, sẻ chia với một đối tượng nào đó. Tình yêu thương có thể có trong mối quan hệ giữa người với người, giữa người với vật hay giữa người với chính bản thân người đó...
- Tại sao chúng ta không thể sống thiếu tình yêu thương?
 - + Đó là bởi tình thương thể hiện phẩm chất cao quý của một con người. Ta thương người, ta thương vật, ta sẽ trở nên tốt đẹp hơn trong mắt người khác.
 - + Tình yêu thương còn là cội nguồn của bao tình cảm, bao hành động tốt đẹp, khi ta thương một điều gì đó, ta muốn sẻ chia, và bất cứ một sự sẻ chia nào cũng đáng trân trọng.
- Tình yêu thương xuất hiện rất nhiều trong cuộc sống hằng ngày.
 - + Ta vẫn thấy một cô gái trẻ 25 tuổi Phạm Thanh Tâm sẵn sàng nhận nuôi bé Yên Nhi bị suy dinh dưỡng ở Lào Cai, ta thấy Chị Mai Anh sẵn sàng nhận nuôi bé Thiện Nhân- “chú lính chì” bị bỏ rơi trong vườn hoang.
 - + Ta vẫn thấy rất nhiều những cuộc giải cứu động vật mắc kẹt....
 - + Tình yêu thương còn thể hiện ở ta thương mẹ, thương cha, yêu quê hương, đất nước, nguồn cội...
- Tình yêu thương là quan trọng, không thể thiếu, vì vậy mỗi người cần mở lòng ra với mọi người, mọi vật, biết đồng cảm với những người khó khăn hơn, biết chấp nhận và bao dung những khuyết điểm của người khác và quan trọng là cần nhận thức đúng đắn ý nghĩa to lớn của tình yêu thương để phấn đấu. Có như vậy con người mới thực sự có được niềm hạnh phúc trong cuộc đời

ĐỀ 4

Phần I: Đọc – hiểu

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

“Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa.
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?”

(Ngữ văn 8- tập 2)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả của văn bản ấy là ai? Kể tên một bài thơ cùng thuộc phong trào Thơ Mới trong chương trình ngữ văn 8 học kì 2.

Câu 2: Câu thơ cuối của đoạn thơ trên thuộc kiểu câu gì? Mục đích nói của câu đó là gì?

Câu 3: Đoạn thơ trên đã thể hiện cảm xúc gì của nhà thơ?

Câu 4: Khái quát giá trị nội dung – nghệ thuật văn bản.

Phần II: Tập làm văn

Câu 1 : Hãy viết một đoạn văn nghị luận xã hội trình bày suy nghĩ của mình về việc giữ gìn những nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc.

Câu 2 : Thuyết minh về trò chơi mang bản sắc Việt (đèn lồng, đèn kéo quân, ô ăn quan, rồng rắn lên mây...)

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

- Đoạn văn trên khiến em liên tưởng tới văn bản: Ông đồ
- Tác giả: Vũ Đình Liên
- Thuộc thể thơ ngũ ngôn
- Bài thơ thuộc phong trào thơ mới: Nhớ rừng

Câu 2:

Câu thơ cuối của đoạn thơ trên thuộc kiểu câu nghi vấn. Mục đích nói của câu đó là bộc lộ cảm xúc

Câu 3:

- Đoạn thơ trên đã thể hiện nỗi niềm xót xa, thương tiếc của nhà thơ trước việc vắng bóng hình ảnh ông đồ vào mỗi dịp xuân về. Từ hình ảnh ông đồ, thi sĩ đã liên tưởng tới hình ảnh “Những người muôn năm cũ” và tự hỏi. Câu hỏi tu từ đặt ra là một lời tự vấn, tiềm ẩn sự ngậm ngùi day dứt. Đó là nỗi niềm trắc ẩn, xót thương cho những người như ông đồ đã bị thời thế khước từ.

Câu 4:

* Giá trị nội dung

- Tác phẩm khắc họa thành công hình cảnh đáng thương của ông đồ thời vắng bóng, đồng thời gửi gắm niềm thương cảm chân thành của nhà thơ trước một lớp người dần đi vào quá khứ, khơi gợi được niềm xúc động tự vấn của nhiều độc giả

* Giá trị nghệ thuật

- Bài thơ được viết theo thể thơ ngũ ngôn gồm nhiều khổ
- Kết cấu đối lập đầu cuối tương ứng, chặt chẽ
- Ngôn từ trong sáng bình dị, truyền cảm

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Đứng trước một xã hội hòa nhập và phát triển như hiện nay, việc giữ gìn những nét đẹp văn hóa truyền thống là vô cùng quan trọng.

Triển khai:

- Giải thích thế nào là nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc? Đó là những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc ta được hun đúc, bổ sung và lan tỏa trong lịch sử dân tộc, trở thành tài sản tinh thần đặc sắc, tạo nên sức mạnh gắn kết cộng đồng và để phân biệt sự khác nhau giữa dân tộc này với dân tộc khác trong cộng đồng nhân loại.

- Những biểu hiện của việc giữ gìn những nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc:

- + Tu sửa những di tích lịch sử
- + Một số bạn say mê với văn hóa dân gian
- + Tìm hiểu về lịch sử truyền thống dân tộc
- + Say mê với các tác phẩm văn học dân gian, các loại hình văn hóa lễ hội

- Phê phán những thái độ không tôn trọng hoặc phá hoại những nét đẹp ấy:
- + Một bộ phận xa rời truyền thống, lịch sử, văn hóa của dân tộc. Không ít người có thái độ ứng xử, biểu hiện tình cảm thái quá trong các hoạt động giải trí, văn hóa, nghệ thuật; lãng quên, thờ ơ đối với dòng nhạc dân ca, dòng nhạc cách mạng, truyền thống.
- + Tiếp thu văn hóa thế giới, du nhập những hoạt động văn hóa tiêu cực, không phù hợp thuần phong, mỹ tục của dân tộc.
- + Cuốn vào các giá trị ảo: trò chơi điện tử, online mang nặng tính bạo lực, ảnh hưởng lớn đến sức khỏe, thời gian học tập.
- + Có những người say mê với các sản phẩm, văn hóa phẩm không lành mạnh, độc hại, dẫn đến những hành động suy đồi đạo đức, vi phạm pháp luật.

- Nêu nhiệm vụ của bản thân

Kết đoạn: Mỗi người chúng ta, cần biết tự hào về truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc để trân trọng và phát huy những truyền thống tốt đẹp ấy.

ĐỀ 5

Phần I: Đọc – hiểu

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi:

*“Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
 Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.
 Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
 Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.
 Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
 Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...”*

(Ngữ văn 8- tập 2, trang 16)

Câu 1: Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm nào? Của ai? Trình bày hoàn cảnh sáng tác bài thơ

Câu 2: Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ

Câu 3: Câu thơ: *Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng*
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.

thuộc kiểu câu nào theo mục đích nói? Xác định **các chức năng** của **kiểu câu** em vừa tìm được.

Câu 4: Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên.

Câu 5: Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên

Phần II: Tập làm văn

Câu 1 : Viết một đoạn văn ngắn trình bày cảm nhận về thiên nhiên và con người qua đoạn thơ trên

Câu 2 : Thuyết minh về cái phích nước

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

- Đoạn thơ trích trong văn bản Quê hương của Tế Hanh
- Bài thơ viết năm 1939, khi Tế Hanh đang học tại Huế trong nỗi nhớ quê hương-một làng chài ven biển tha thiết. Bài thơ được rút trong tập Nghẹn ngào (1939) và sau đó được in trong tập Hoa niên (1945)

Câu 2:

- Thể thơ: 8 chữ
- PTBD chính: Tự sự

Câu 3:

- Kiểu câu: Câu trần thuật
- Các chức năng của kiểu câu trần thuật: Câu trần thuật có chức năng chính dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả,... Ngoài ra, câu trần thuật còn có thể dùng để yêu cầu đề nghị hay để bộc lộ tình cảm.

Câu 4:

- Biện pháp tu từ: Nhân hóa và so sánh

Câu 5:

- Nội dung chính của đoạn thơ trên: Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi buổi sớm mai

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Đoạn thơ khắc họa sinh động bức tranh lao động làng chài với cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi buổi sớm mai.

Triển khai: Triển khai làm rõ vẻ đẹp của cảnh ra khơi

- Thời gian bắt đầu: Sớm mai hồng => gợi niềm tin, hi vọng
 - Không gian “trời xanh”, “gió nhẹ”
- ⇒ Người dân chài đi đánh cá trong buổi sáng đẹp trời, hứa hẹn một chuyến ra khơi đầy thắng lợi
- Hình ảnh chiếc thuyền “hăng như con tuấn mã”: phép so sánh thể hiện sự dũng mãnh của con thuyền khi lướt sóng ra khơi, sự hồ hởi, tư thế tráng sĩ của trai làng biển
 - “Cánh buồm như mảnh hồn làng”: Hình ảnh so sánh chính xác, giàu ý nghĩa làm cho hình ảnh cánh buồm trở lên lớn lao, kì vĩ, thiêng liêng và rất thơ mộng. Nhà thơ chợt nhận ra cái linh hồn của làng chài quê hương trong hình ảnh cánh buồm, hồn quê hương cụ thể gần gũi, đó là biểu tượng của làng chài quê hương
 - Phép nhân hóa “rướn thân trắng” kết hợp với các động từ mạnh: con thuyền từ tư thế bị động thành chủ động, cánh buồm được nhân hóa như một con người, nó đang rướn cao thân mình thu hết gió của đại dương đẩy con thuyền đi nhanh hơn.
- ⇒ Nghệ thuật ẩn dụ: cánh buồm chính là linh hồn của làng chài
- ⇒ Cảnh tượng lao động hăng say, hứng khởi tràn đầy sức sống

Kết đoạn: Đoạn thơ đã vẽ lên một bức tranh lao động khoẻ khoắn tràn đầy sức sống thể hiện khát vọng chinh phục thiên nhiên của người dân làng chài.

ĐỀ 6

Phần I: Đọc – hiểu

Cho đoạn thơ sau:

*“Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”*

(Ngữ văn 8- tập 2, trang 17)

Câu 1: Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

Câu 2: Xác định và nêu tác dụng của câu cảm thán trong đoạn văn trên.

Câu 3: Xác định kiểu câu của dòng thơ “Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi” và cho biết tác dụng của kiểu câu vừa tìm được.

Câu 4: Các từ: xanh, bạc, mặn thuộc từ loại nào?

Câu 5: Trình bày ngắn gọn cảm nhận về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ.

Phần II: Tập làm văn

Câu 1 : Từ nội dung đoạn thơ trên, hãy viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về tình yêu quê hương.

Câu 2 : Một số bạn đang đua đòi theo lối ăn mặc không lành mạnh, không phù hợp với lứa tuổi học sinh, với truyền thống Việt Nam của dân tộc và hoàn cảnh gia đình. Em hãy viết một bài nghị luận để thuyết phục các bạn đó thay đổi cách ăn mặc cho đúng đắn hơn.

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

- Đoạn thơ trích trong văn bản Quê hương
- PTBD chính: Biểu cảm

Câu 2:

- Câu cảm thán: Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!
- Câu cảm thán dùng để bộc lộ cảm xúc trực tiếp của Tế Hanh khi ông nhớ về quê hương

Câu 3:

- Kiểu câu của dòng thơ “Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi”: câu trần thuật
- Tác dụng: Câu trần thuật này dùng để miêu tả sự vật

Câu 4:

- Các từ xanh, bạc, mặn thuộc tính từ

Câu 5:

- Cảm nhận về nội dung nghệ thuật đoạn thơ
- + Giới thiệu khái quát nội dung của đoạn thơ: Tế Hanh đã trực tiếp bày tỏ nỗi nhớ của mình về làng quê miền biển thật cảm động

+ Nỗi nhớ ấy luôn thường trực trong ông qua hình ảnh "luôn tưởng nhớ". Quê hương hiện lên cụ thể với một loạt hình ảnh quen thuộc, gần gũi: màu nước xanh, cá bạc, buồm vôi, con thuyền...và "mùi nồng mặn" đặc trưng của quê hương làng chài...

+ Tác giả sử dụng điệp từ "nhớ", phép liệt kê, kết hợp câu cảm thán góp phần làm nổi bật tình cảm trong sáng tha thiết của người con với quê hương yêu dấu.

Đoạn thơ như lời nhắc nhở chúng ta nhớ về cội nguồn, quê hương, đất nước...

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Đoạn cuối trong bài thơ của Tế Hanh đã gợi trong lòng người những suy tư sâu sắc về tình yêu quê hương.

Triển khai:

+ “Quê hương” là tiếng gọi thân thương luôn thường trực trong tim mỗi người, bởi vậy, tình yêu quê hương là thứ tình cảm vô cùng thiêng liêng.

+ Yêu quê hương chính là chúng ta có tình cảm mật thiết, gắn bó với những gì thuộc về quê mình: tình yêu đối với gia đình, yêu những người thân quen, yêu mảnh đất mình đang sống, đó là tình cảm gắn bó với khát vọng xây dựng quê hương giàu đẹp.

+ Vậy tại sao lại phải yêu quê hương? Chúng ta yêu quê hương vì đó là nơi đầu tiên chào đón chúng ta trong cuộc đời này, yêu quê hương vì đó là nơi cho ông bà, bố mẹ ta cuộc sống yên bình êm ấm, là nơi có người thân, bạn bè, là nơi che chở chúng ta trước những sóng gió....

+ Không khó để kể ra những biểu hiện của tình yêu quê hương. Ta còn nhớ người E-ti-o-pi-a mỗi khi có người khách rời quê hương của họ, sẽ được cạo sạch đất dưới đế giày, đó là bởi họ muốn giữ lại cho dù đó chỉ là nắm đất quê hương. Ta thấy Lí Bạch luôn đau đáu nhớ về cố hương của mình, thấy Hồ Chí Minh trong “đêm xa nước đầu tiên” không ngủ, vì sóng dưới thân tàu không phải sóng quê hương.

+ Tình yêu quê hương là thứ tình yêu giản dị, bởi thế, ai cũng có thể bồi đắp cho mình tình cảm trân quý ấy: chúng ta yêu ngôn ngữ dân tộc, yêu ông bà, cha mẹ, anh em ta, vun trồng mảnh đất quê mình làm cho nó trở nên màu mỡ, xây dựng sự nghiệp trên chính quê cha đất tổ, với những em nhỏ, hãy học tập để xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp...Quê hương là chiếc nôi lớn của mỗi người, là ngôi nhà mà bất cứ người con nào đi xa

cũng nhớ. Bởi thế, hãy yêu quê hương mình, vì yêu quê hương, con người mới có thể thực sự “lớn nổi thành người” (Đỗ Trung Quân)

ĐỀ 7

Phần I: Đọc – hiểu

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi:

*“Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!
Ngột làm sao, chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!
...”
(Ngữ văn 8- tập 2)*

Câu 1: Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai? Trình bày hoàn cảnh sáng tác bài thơ

Câu 2: Xác định PTBĐ chính của đoạn thơ trên.

Câu 3: Trong câu "ta nghe hè dậy bên lòng", biện pháp tu từ nào đã được sử dụng.

Câu 4: Chỉ ra các câu cảm thán trong đoạn thơ trên và nêu tác dụng.

Câu 5: Trình bày ý nghĩa của tiếng chim tu hú cuối bài.

Phần II: Tập làm văn

Câu 1 : Viết một đoạn văn ngắn trình bày cảm nhận về đoạn thơ trên

Câu 2 : Thuyết minh về ngôi chùa cổ nổi tiếng ở Việt Nam (Chùa Dâu, chùa Thiên Mụ, chùa Hương...)

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

- Đoạn thơ trích trong văn bản Khi con tu hú của Tố Hữu
- Bài thơ sáng tác vào tháng 7 năm 1939 tại nhà lao Thừa Phủ, khi tác giả bị bắt giam

Câu 2:

- PTBĐ chính: Biểu cảm

Câu 3:

- Trong câu "ta nghe hè dậy bên lòng", biện pháp tu từ ẩn dụ được sử dụng, cụ thể là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

Câu 4:

Các câu cảm thán:

- *Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!*
- *Ngột làm sao, chết uất thôi*
- Tác dụng: Câu cảm thán đó dùng để bộc lộ cảm xúc ngọt ngào, uất ức khi bị giam cầm và mong muốn thoát khỏi ngục tù của nhà thơ

Câu 5:

- Tiếng chim tu hú kết thúc bài thơ là âm thanh của tự do bên ngoài
- Thúc giục đến da diết, khắc khoải như giục giã, thôi thúc khiến cho người chiến sĩ đang bị giam cầm cảm thấy đau khổ, bức bối muốn vượt ra ngoài, thoát cảnh giam cầm, tìm về với tự do.

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Bốn câu thơ cuối bài Khi con tu hú thể hiện chân thực và rõ nét tâm trạng đau khổ, uất ức, ngọt ngào, khát khao tự do của nhà thơ

Triển khai:

- Trong bốn câu thơ cuối tâm trạng người tù được thể hiện trực tiếp.
- Tác giả sử dụng những từ ngữ gây ấn tượng mạnh để miêu tả (đạp tan phòng, chết uất), nhiều từ ngữ cảm thán (ôi, thôi, làm sao). Nhịp. điệu câu thơ ngắt bất thường: nhịp 6/2 (mà chân muốn đạp tan phòng / hè ôi), nhịp 3/3 (Ngột làm sao / chết bất thôi).
- Nghệ thuật tương phản cho thấy sự đối lập giữa cảnh đất trời bao la và cảnh tù đầy, người tù cảm thấy ngọt ngào đến cao độ muốn hành động chân muốn đạp tan phòng. Tâm trạng ấy thể hiện sự khao khát đến tột cùng cuộc sống tự do, muốn thoát khỏi căn phòng giam tù ngục của người tù.

- Tâm trạng xuyên suốt cả bài thơ là sự khát khao tự do, tiếng tu hú chính là tiếng gọi tha thiết của tự do đối với người tù trẻ tuổi.
- Bài thơ kết thúc với tâm trạng nhức nhối, là dấu hiệu báo trước sự hành động để thoát khỏi hoàn cảnh sau này (Tô Hữu sau đó đã vượt ngục để vươn tới bầu trời tự do)

ĐỀ 8

Phần I: Đọc – hiểu

Cho câu thơ:

"Ngục trung vô tửu diệc vô hoa"

(Ngữ văn 8- tập 2)

Câu 1: Chép tiếp để tạo thành một bài thơ hoàn chỉnh

Câu 2: Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? Thuộc tập thơ nào? Tác giả là ai?

Câu 3: Chọn và giải thích hai yếu tố Hán Việt trong bài thơ em vừa chép.

Câu 4: Chỉ ra câu nghi vấn trong đoạn thơ em vừa chép và cho biết tác dụng của câu nghi vấn đó.

Câu 5: Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ em vừa chép.

Phần II: Tập làm văn

Câu 1 : Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ cuối bài thơ phần Đọc – hiểu

Câu 2 : Thuyết minh về một loài hoa em yêu thích

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,
Đối thử lương tiêu nại nhược hà?
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,
Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

Câu 2:

- Bài thơ được sáng tác theo thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.
- Thuộc tập thơ: Nhật kí trong tù

- Tác giả: Hồ Chí Minh

Câu 3:

- HS chọn 2 yếu tố Hán Việt: “vọng nguyệt: ngắm trăng” ; “tửu”: rượu

Câu 4:

- Câu nghi vấn: Đối thử lương tiêu nại nhược hà
=> Các nghi vấn này dùng để hỏi xen lẫn bộc lộ tình cảm, cảm xúc

Câu 5:

- Giá trị nội dung
- Bài thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên say mê và phong thái ung dung của Bác ngay cả trong cảnh tù đầy.
- Giá trị nghệ thuật
- Sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt giản dị
- Hình ảnh thơ trong sáng, đẹp đẽ
- Ngôn ngữ lãng mạn
- Màu sắc cổ điển và hiện đại song hành

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Trong hai câu thơ cuối bài thơ Vọng nguyệt (Hồ Chí Minh), dù trong hoàn cảnh ngục tù khốn khó, người và thơ vẫn hướng về nhau, trong trái tim yêu đời thiết tha của Bác, cảm hứng với vẻ đẹp thiên nhiên vẫn dạt dào nồng đượm:

*Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,
Nguyệt tòng song khích khán thi gia.*

Triển khai:

- *Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt:* Bác say mê ngắm trăng qua cửa sổ. Bốn bức tường xà lim chật hẹp không ngăn nổi cảm xúc menh mông. Bác thả hồn theo ánh trăng và gửi gắm vào đó khát vọng tự do cháy bỏng. Dường như thi sĩ muốn nhắn gửi đến trăng lời thì thầm tâm sự: Trăng ơi, trăng có hiểu lòng ta yêu trăng đến độ nào? Sự thổ lộ, giải bày chân thành tự trong sâu thẳm hồn người đã được trăng cảm động và chia sẻ. Vàng trăng lung linh bỗng chốc biến thành bạn tri âm, tri kỉ

- *Nguyệt tòng song khích khán thi gia*: Vàng trăng đã vượt qua song sắt để ngắm nhà thơ (khán thi gia) trong tù. Vậy là cả người và trăng đều chủ động tìm đến nhau. Nghệ thuật nhân hóa cho thấy thi sĩ tù nhân và vàng trăng tự do đã trở nên gắn bó thân thiết tự bao giờ. Hai câu thơ còn cho thấy sức mạnh tinh thần kì diệu của người tù thi sĩ ấy. Trong này là nhà lao đen tối, là hiện thực tàn bạo, còn ngoài kia là vàng trăng thơ mộng, là thế giới của tự do, của vẻ đẹp lãng mạn làm say đắm lòng người. Giữa hai đối cực đó là song sắt nhà tù, nhưng song sắt nhà tù cũng bất lực trước khát vọng và rung cảm tinh tế của hồn thơ.

Kết đoạn: Hai câu thơ cuối bài nói riêng và toàn bộ bài thơ không chỉ thể hiện tình yêu mến thiết tha thiên nhiên mà hơn hết, sau những câu thơ đậm phong vị cổ điển ấy chính là một tinh thần thép, phong thái ung dung, tự do của Bác Hồ

ĐỀ 9

Phần I: Đọc – hiểu

Cho câu thơ:

"Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan"

(Ngữ văn 8- tập 2, trang 39)

Câu 1: Chép tiếp để tạo thành một bài thơ hoàn chỉnh

Câu 2: Nêu và giải thích tên nhan đề tiếng Hán của bài thơ trên. Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? Tác giả là ai?

Câu 3: Câu thơ *Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan* thể hiện hành động nói nào?

Câu 4: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật tiêu biểu được sử dụng trong bài thơ trên.

Câu 5: Khái quát nội dung tư tưởng của bài thơ em vừa chép.

Phần II: Tập làm văn

Câu 1: Bài thơ em vừa chép trong phần I. Đọc – hiểu có hai lớp nghĩa. Em hãy chỉ ra hai lớp nghĩa được tác giả sử dụng trong bài thơ bằng một đoạn văn

Câu 2 : Thuyết minh về một loài cây ăn quả

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan
Trùng san chi ngoại hựu trùng san
Trùng san đăng đảo cao phong hậu
Vạn lý dư đồ cố miện gian.

Câu 2:

- Nhan đề: Tẩu lộ - nghĩa: Đi đường
- Bài thơ được sáng tác theo thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.
- Tác giả: Hồ Chí Minh

Câu 3:

- Câu thơ *Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan* thể hiện hành động nói: trình bày

Câu 4:

- Biện pháp nghệ thuật tiêu biểu trong bài thơ trên: Ẩn dụ và điệp ngữ

Câu 5:

- Giá trị nội dung tư tưởng: Bài thơ khắc họa chân thực những gian khổ mà người tù gặp phải, đồng thời thể hiện thể hiện chân dung tinh thần người chiến sĩ cách mạng Hồ Chí Minh, nói lên ý nghĩa triết lí cao cả: từ việc đi đường núi mà hiểu được đường đời: Vượt qua gian lao thử thách sẽ đi được tới thắng lợi vẻ vang

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Đi đường của chủ tịch Hồ Chí Minh là một bài thơ mang hai lớp nghĩa sâu sắc

Triển khai: *Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn:*

- Trình bày được hai lớp nghĩa:

+ **Nghĩa đen:** kể về hành trình leo núi cùng với đó là những thử thách, chông gai khi leo núi để lên đỉnh. Thành quả đó là chinh phục ngọn núi và thu mọi cảnh vật vào tầm mắt.

+ **Nghĩa bóng :** Thông qua bài thơ Bác ngụ ý chỉ về con đường cách mạng, hoặc con đường đời của mỗi người: Từ việc đi đường, bài thơ mang đến một chân lí đường đời đó là vượt qua được gian lao sẽ đi được tới thành công

Kết đoạn: Bài thơ với chiều sâu tư tưởng đã mang giá trị thời đại sâu sắc, là kim chỉ nam cho mỗi người trong xã hội hôm nay.

Phần I: Đọc – hiểu

Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Xưa nay, thủ đô luôn là trung tâm về văn hóa, chính trị của một đất nước. Nhìn vào thủ đô là nhìn vào sự suy thịnh của một dân tộc. Thủ đô có ý nghĩa rất lớn. Việc dời đô, lập đô là một vấn đề trọng đại quyết định phần nào với tới sự phát triển tương lai của đất nước. Muốn chọn vùng đất để định đô, việc đầu tiên là phải tìm một nơi “*trung tâm của trời đất*”, một nơi có thể “*rồng cuộn hổ ngồi*”. Nhà vua rất tâm đắc và hào hứng nói tới cái nơi “*đã đứng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi*”. Nơi đây không phải là miền Hoa Lư chật hẹp, núi non bao bọc lờm chờm mà là “*địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng*”. Thật cảm động một vị vua anh minh khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt đã rất quan tâm tới nhân dân. Tìm chốn lập đô cũng vì dân, mong cho dân được hạnh phúc: “*Dân khỏi chịu cảnh ngập lụt*”. Nơi đây dân sẽ được hưởng no ấm thái bình vì “*muôn vật cũng rất mực tốt tươi...*”. Nhà vua đánh giá kinh đô mới “*Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời*”. Chính vì thế nhà vua mới bày tỏ ý muốn: “*Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?*”.

(Nguồn: Internet)

Câu 1: Đoạn trích trên khiến em liên tưởng đến văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ văn 8, tập II? Cho biết tác giả và thời điểm ra đời của tác phẩm đó?

Câu 2: Tác phẩm được đề cập đến trong đoạn trích trên ra đời có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Đại Việt lúc bấy giờ?

Câu 3:

a. Xác định kiểu câu của hai câu sau: (1) “*Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.*”(2) *Các khanh nghĩ thế nào?*”.

b. Hãy cho biết mỗi câu văn trên thực hiện hành động nói nào?

Phần II: Tập làm văn

Câu 1 : Viết đoạn văn (khoảng 10 dòng) trình bày cảm nghĩ của em về tác giả, người được nhận định là “*một vị vua anh minh khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt đã rất quan tâm tới nhân dân*”.

Câu 2 : Bút bi từ lâu là người bạn đồng hành không thể thiếu của học sinh. Dựa vào hiểu biết của em, hãy thuyết minh về người bạn đồng hành ấy.

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

- Đoạn trích trên gợi em nhớ đến văn bản Chiếu dời đô
- Tác giả: Lí Công Uẩn

Câu 2:

- Tác phẩm *Chiếu dời đô* ra đời có ý nghĩa phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất
- Đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.

Câu 3:

- “*Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.* => Câu trần thuật , hành động trình bày (nêu ý kiến)
- *Các khanh nghĩ thế nào?*” => Câu nghi vấn, hành động hỏi

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Trong lịch sử xây dựng và phát triển đất nước, Lí Công Uẩn là “*một vị vua anh minh khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt đã rất quan tâm tới nhân dân*”

Triển khai: Triển khai làm rõ luận điểm về vua Lí Công Uẩn thông qua cảm nhận cá nhân, có thể kết hợp nhiều phương thức biểu đạt

- + Là một người thông minh, nhân ái, có chí lớn và lập được nhiều chiến công.
- + Lí Công Uẩn đã lập nên một triều đại nhà Lý lẫy lừng và dưới sự trị vì của vua Lí Công Uẩn đã đưa đất nước ta phát triển lớn mạnh ...khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt.

+ Một vị vua anh minh, sáng suốt, có tầm nhìn xa rộng, lựa chọn dời đô để đất nước phát triển bền vững lâu dài

+ Một người yêu nước thương dân, có tinh thần dân chủ

Kết đoạn: Khẳng định với những gì đã cống hiến cho nhân dân, cho đất nước, Lý Công Uẩn xứng đáng được ngợi ca ngàn đời

ĐỀ 11

Phần I: Đọc – hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

"Xưa nhà Thương đến vua Bàn Canh năm lần dời đô; nhà Chu đến vua Thành Vương cũng ba lần dời đô. Phải đâu các vua thời Tam đại theo ý riêng mà tự tiện chuyển dời? Chỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu; trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận tiện thì thay đổi. Cho nên vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh..."

(Ngữ văn 8- tập 2)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Do ai sáng tác? Trình bày hoàn cảnh sáng tác của văn bản ấy.

Câu 2: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

Câu 3: Hai câu “Xưa nhà Thương đến vua Bàn Canh năm lần dời đô; nhà Chu đến vua Thành Vương cũng ba lần dời đô. Phải đâu các vua thời Tam đại theo ý riêng mà tự tiện chuyển dời?” thuộc kiểu câu gì? Chúng dùng với mục đích gì?

Câu 4: Theo tác giả thì việc dời đô của các vua nhà Thương, nhà Chu nhằm mục đích gì? Kết quả việc dời đô ấy ra sao?

Câu 5: Xác định nội dung chính của đoạn văn trên.

Phần II: Tập làm văn

Câu 1 : Tình cảm yêu nước thương dân của tác giả được thể hiện như thế nào trong văn bản em vừa tìm được ở phần Đọc – hiểu. Hãy trình bày thành một đoạn văn.

Câu 2 : Thuyết minh về một di tích lịch sử

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

- Đoạn văn trên trích trong văn bản : Chiếu dời đô (Thiên đô chiếu)
- Tác giả : Lý Công Uẩn
- **Hoàn cảnh sáng tác:** Năm 1010, Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại La, đổi tên Đại Việt thành Đại Cồ Việt. Nhân dịp này ông đã viết bài chiếu để thông báo rộng rãi quyết định cho nhân dân được biết.

Câu 2:

- Phương thức biểu đạt chính: nghị luận

Câu 3:

- Câu 1: “*Xưa nhà Thương đến vua Bàn Canh năm lần dời đô; nhà Chu đến vua Thành Vương cũng ba lần dời đô.*” là câu trần thuật
- Mục đích: trình bày
- Câu 2: “*Phải đâu các vua thời Tam đại theo ý riêng mà tự tiện chuyển dời?*” là câu nghi vấn
- Mục đích: phủ định

Câu 4:

Theo tác giả thì việc dời đô của các vua nhà Thương, nhà Chu nhằm mục đích : mưu toan nghiệp lớn, xây dựng vương triều phồn thịnh, tính kế lâu dài cho các thế hệ sau. Việc dời đô thuận theo mệnh trời, thuận theo ý dân.

- Kết quả của việc dời đô là làm cho đất nước vững bền (hoặc vận nước lâu dài) , phát triển phồn thịnh. Việc dời đô không có gì là khác thường, trái với quy luật.

Câu 5:

Nội dung chính của đoạn văn: Dẫn dắt việc dời đô của các triều đại trước để tăng sức thuyết phục cho quyết định dời đô của vua Lý Công Uẩn

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Yêu nước là nguồn cảm hứng lớn và xuyên suốt trong văn học dân tộc và *Chiếu dời đô* (Lý Công Uẩn) chính là một trong số những văn bản thể hiện tình yêu đất nước và niềm tự hào dân tộc như thế!

Triển khai:

Lí Công Uẩn là một vị vua anh minh và có tầm nhìn xa trông rộng, chính bởi vậy, ông thấy được sự cần thiết phải dời đô, vì thế “Chiếu dời đô” ra đời. Tình cảm yêu nước thương dân được thể hiện trong nhiều khía cạnh.

+ Xuất phát từ nỗi lo lắng cho đất nước, Lí Công Uẩn đã chỉ ra được sự không phù hợp của việc tiếp tục đóng đô ở Hoa Lư, Ông lo lắng và “đau xót về điều đó”.

+ Ông cũng bày tỏ ý nguyện dời đô về Đại La vì đó là nơi “trung tâm trời đất, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu”, “trên vầng mệnh trời, dưới hợp lòng dân”. Có thể nói tư tưởng yêu nước ở đây đã gắn liền với mong muốn bền vững của triều đại.

+ Ông cũng bày tỏ ước nguyện muốn xây dựng chốn hạnh phúc, bình an cho muôn dân, theo Lí Công Uẩn, nếu dời đô về chốn ấy, một nơi “trung tâm trời đất”, được thế “rộng cuộn hổ ngồi”, “địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng”, dân cư sẽ tránh được lụt lội mà “muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi”.

+ Khát khao trên hết của Lí Công Uẩn chính là non sông thu về một mối và nhân dân an cư lạc nghiệp, có một chốn yên ổn làm ăn sinh sống. Ông khẳng định chắc nịch “đây quả thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời” thể hiện quyết tâm dời đô, cũng là quyết tâm thực hiện trách nhiệm của một bậc đế vương với đất nước là để cho triều đại phồn thịnh lâu dài.

+ Việc ông trưng cầu ý kiến của các quan thể hiện sự tôn trọng quần thần, cũng thể hiện sự tôn trọng nhân dân.

Kết đoạn: Có thể thấy, việc dời đô đã khẳng định ý chí độc lập, tự cường của vua Lí Thái Tổ, cũng thể hiện sự phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt có thể tự dựa vào sức mạnh của mình để đương đầu với thách thức.

ĐỀ 12

Phần I: Đọc – hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Huống gì thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương: Ở vào nơi trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là

thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.”

(Ngữ văn 8- tập 2)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả của văn bản ấy là ai?

Câu 2: Nội dung chủ yếu của đoạn văn trên là gì ?

Câu 3: Chọn và giải thích hai từ Hán Việt có trong đoạn văn trên.

Câu 4: Câu “*Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời*” thuộc kiểu câu gì? Thực hiện hành động nói nào?

Phần II: Tập làm văn

Câu 1 : Viết đoạn văn làm sáng tỏ luận điểm “*Đại La là thắng địa xứng là kinh đô của đế vương muôn đời*”

Câu 2 : Thuyết minh về thể thơ lục bát

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

Đoạn văn trích trong tác phẩm “Chiếu dời đô”(Thiên đô chiếu)

Tác giả:Lí Công Uẩn

Câu 2:

- Đoạn thơ trích trong văn bản "Nhớ rừng" của Thế Lữ

Câu 3:

- Biện pháp tu từ: Nhân hóa

- Tác dụng: Làm cho nhân vật trung tâm là con hổ như mang dáng dấp, tình cảm, suy nghĩ của con người, bởi vậy mà nhà thơ có thể diễn đạt thâm kín tâm sự của mình

Câu 4:

- Câu trên là câu trần thuật

- Chức năng: kể và bộc lộ tình cảm, cảm xúc

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Trong Chiếu dời đô, vua Lý Công Uẩn đã cho ta thấy những lí lẽ thuyết phục chứng minh “*Đại La là thắng địa xứng là kinh đô của đế vương muôn đời*”

Triển khai:

- Các lợi thế của thành Đại La
- Về lịch sử: là kinh đô cũ của Cao Vương
- Về địa lí: Trung tâm trời đất, địa thế rộng mà bằng, đất cao mà thoáng, địa thế đẹp, lợi ích mọi mặt
- Về văn hóa, chính trị, kinh tế:
 - + Là mảnh đất thịnh vượng, đầu mối giao lưu.
 - + Hội tụ đủ mọi mặt của đất nước, xứng đáng là trung tâm văn hóa, chính trị, kinh tế.
- Đời sống nhân dân: Dân cư khỏi chịu cảnh ngập lụt, mọi vật phong phú, tốt tươi, là mảnh đất thịnh vượng => Xứng đáng là nơi định đô bền vững, là nơi để phát triển, đưa đất nước phát triển phồn thịnh

Kết đoạn : Khẳng định: Chọn Đại La làm kinh đô là một lựa chọn đúng đắn, nên đây xứng đáng là kinh đô bậc nhất của đế vương muôn năm.

ĐỀ 13

Phần I: Đọc – hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

" Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng."

(Ngữ văn 8- tập 2)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Trình bày hoàn cảnh sáng tác của văn bản ấy.

Câu 2: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

Câu 3: Đoạn văn trên gồm mấy câu? Mỗi câu được trình bày theo mục đích nói nào?

Câu 4: Đoạn văn trên bộc lộ tâm trạng gì của nhân vật “ta”?

Phần II: Tập làm văn

Câu 1 : Qua văn bản em tìm được ở phần I. Đọc – hiểu, hãy viết đoạn văn nêu suy nghĩa của mình về vai trò của Trần Quốc Tuấn đối với vận mệnh dân tộc

Câu 2 : Trình bày ý kiến của em về câu nói của văn hào M. Gorki: “Sách mở rộng ra trước mắt tôi những chân trời mới”

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

- Đoạn văn trên trích trong văn bản : **Hịch tướng sĩ**
- **Hoàn cảnh sáng tác:** Được viết vào khoảng thời gian trước cuộc kháng chiến chống quân Nguyên – Mông lần thứ hai (1285): Khi giặc Nguyên Mông sang xâm lược nước ta lần thứ hai, lúc này quân giặc rất mạnh muốn đánh bại chúng phải có sự đồng tình, ủng hộ của toàn quân, toàn dân, vì vậy Trần Quốc Tuấn đã viết bài hịch này để kêu gọi tướng sĩ hết lòng đánh giặc.

Câu 2:

- Phương thức biểu đạt chính: nghị luận

Câu 3:

- Đoạn văn gồm 2 câu
- Kiểu câu trần thuật
- Mục đích: được dùng với mục đích biểu cảm (bộc lộ cảm xúc)

Câu 4:

- Đoạn văn diễn tả cảm động tâm trạng, nỗi lòng của chủ tướng Trần Quốc Tuấn trước sự lâm nguy của đất nước khi chứng kiến tội ác và sự ngang ngược của xú giặc: Đau xót đến quặn lòng, căm thù giặc sục sôi, quyết tâm không dung tha cho chúng, quyết tâm chiến đấu (hoặc hi sinh, xả thân) đến cùng cho dù thịt nát xương tan: "*Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng*"

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Ở bất kì thời đại nào, cũng sẽ luôn có những người lãnh đạo anh minh sáng suốt, đưa dân tộc đến bên vinh quang, Trần Quốc Tuấn chính là một người anh hùng như thế!

Triển khai:

- Trần Quốc Tuấn là một danh tướng quan trọng góp phần không nhỏ trong cuộc kháng chiến chống giặc Mông Nguyên của nhà Trần.
- Trần Quốc Tuấn là một vị lãnh tướng sáng suốt và anh minh. Đặc biệt, văn bản Hịch tướng sĩ đã thể hiện rất rõ điều đó.
- Bằng tài năng của mình, ông đã nhìn nhận thấu đáo nguy cơ của một cuộc chiến tranh xâm lược, đồng thời ông cũng nhìn nhận những tai hại của việc binh sĩ lơ là luyện tập, chỉ mãi ham thú vui tầm thường, mất cảnh giác.
- Vị chủ tướng ấy còn anh minh ở chỗ ông đã bày ra những tâm sự hết sức chân thành của mình, đó là lòng căm thù giặc tận cùng, từ đó đã cảm hóa được chữ binh sĩ dưới quyền, khiến họ nghĩ về mảnh đất quê hương, nghĩ về vợ con để quyết tâm, thổi bùng lên lòng căm thù giặc và ngọn lửa yêu nước trong lòng mỗi binh sĩ,...

Kết đoạn: Khẳng định lại vai trò của vị chủ tướng: tâm lòng yêu nước thương dân, khả năng lãnh đạo và cảm hóa lòng người.

ĐỀ 14

Phần I: Đọc – hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Huống chi ta cùng các người sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình. đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu vàng bạc, để vơ vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi tai vạ về sau!”

(Ngữ văn 8- tập 2)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả của văn bản ấy là ai?

Câu 2: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

Câu 3: Sự ngang ngược và tội ác của giặc đã được lột tả như thế nào? Điều đó khơi gợi điều gì ở tướng sĩ?

Câu 4: Hai câu: *Ngó thấy sứ giặc ... vơ vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi tai vạ về sau!”* thuộc kiểu câu gì? Thực hiện hành động nói nào?

Câu 5: Chỉ ra hai biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên.

Phần II: Tập làm văn

Câu 1 : Viết đoạn văn làm sáng tỏ luận điểm :*Trong cuộc sống, con người rất cần lòng dũng cảm*

Câu 2 : Nghị luận về văn học và tình thương

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

- Đoạn văn trên trích trong văn bản : Hịch tướng sĩ
- Tác giả: Trần Quốc Tuấn

Câu 2:

- PTBD chính: Tự sự

Câu 3:

- Tội ác và sự ngang ngược của kẻ thù:
 - + Kẻ thù tham lam, tàn bạo: ngang ngược đi lại nghênh ngang ngoài đường, đòi ngọc lụa, thu vàng bạc
 - + Hành động xúc phạm danh dự đất nước: "*lười cú điều*", "*thân dê chó*" - sứ Nguyên để "*xi mắng triều đình*", "*bắt nạt tể phụ*".
- Đoạn văn tố cáo tội ác giặc đã khơi gợi được lòng căm thù giặc, khích lệ tinh thần yêu nước bất khuất, ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của tướng sĩ.

Câu 4:

- Câu 1: câu trần thuật - Hành động nói: Trình bày
- Câu 2: câu cảm thán – Hành động nói: Bộc lộ cảm xúc

Câu 5:

- Hai biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên là: Ẩn dụ và so sánh

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Đề đối mặt và vượt qua khó khăn trắc trở, “trong cuộc sống, con người rất cần lòng dũng cảm”.

Triển khai:

- Lòng dũng cảm là sự can đảm, không run sợ, nản chí trước bất kỳ một điều gì, dù có khó khăn vẫn giữ được cho mình sự bình tĩnh, tự tin.
- Tại sao trong cuộc sống con người cần có lòng dũng cảm:
 - + Nếu ta gặp những thất bại mà lại bị gục ngã, sợ sệt không bao giờ dám đứng lên, làm lại từ đầu thì bạn sẽ không bao giờ vượt qua được sự khó khăn đó. Vậy nên lòng dũng cảm chính là dám đối diện với khó khăn và lỗi lầm của bản thân mình.
 - + Khi mọi thứ dường như quá sức hoặc ngoài tầm tay của ta thì lòng dũng cảm sẽ giúp đơn giản hóa mọi chuyện, cho ta bản lĩnh, sự tự tin, kiên cường để đối diện với mọi điều đang chờ ở phía trước.
 - + Người có lòng dũng cảm sẽ dám đương đầu, dám dấn thân, còn kẻ yếu đuối sẽ chẳng bao giờ đi đến được cái đích của mình.

Kết đoạn: Mỗi người chúng ta, cần biết rèn luyện cho mình một lòng dũng cảm vì nó rất cần thiết với mỗi người. Có lòng dũng cảm, thì mọi sự tăm tối của cuộc sống ta đều có cách giải quyết được.

ĐỀ 15

Phần I: Đọc – hiểu

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi:

Tình nghe:

“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.

(...)

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,

Song hào kiệt đời nào cũng có”

(Ngữ văn 8- tập 2)

Câu 1: Chép đúng và đủ những câu còn lại để hoàn thiện đoạn thơ.

Câu 2: Đoạn thơ trên trích từ văn bản nào? Văn bản ấy thuộc tác phẩm bất hủ nào? Của ai? Trình bày hoàn cảnh sáng tác.

Câu 3: Tác phẩm được viết theo lối văn, thể văn gì?

Câu 4: Qua hai câu “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân - Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”, có thể hiểu cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của tác giả là gì? Người dân mà tác giả nói tới là ai? Kẻ bạo ngược mà tác giả nói tới là kẻ nào?

Câu 5: Để khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc, tác giả đã dựa vào những yếu tố nào?

Phần II: Tập làm văn

Câu 1 : Viết đoạn văn trình bày phân tích đặc sắc về nghệ thuật trong văn bản em vừa tìm được ở phần I. Đọc hiểu.

Câu 2 : Trò chơi điện tử là món tiêu khiển hấp dẫn. Nhiều bạn vì mải chơi mà sao nhãng học tập và còn phạm những sai lầm khác. Hãy nêu ý kiến của em về hiện tượng đó.

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

Từng nghe:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,

Quân điếu phạt trước lo trừ bạo;

Như nước Đại Việt ta từ trước,

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,

Núi sông bờ cõi đã chia,

Phong tục Bắc Nam cũng khác;

Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương

Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,

Song hào kiệt thời nào cũng có.

Câu 2:

- Tên văn bản: Nước Đại Việt ta

- Trích từ tác phẩm: Bình Ngô đại cáo

- Tác giả: Nguyễn Trãi.

- Hoàn cảnh sáng tác: Đầu năm 1428, sau khi quân ta đại thắng, Nguyễn Trãi đã thừa lệnh vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) soạn thảo Bình Ngô đại cáo để thông cáo với toàn dân về sự kiện có ý nghĩa trọng đại này

Câu 3:

- Lối văn biền ngẫu, thể cáo

Câu 4:

- Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa trong hai câu trên là yên dân, trừ bạo. Muốn yên dân phải trừ bạo và trừ bạo chính là để yên dân.

- Người dân mà tác giả nói ở đây là nhân dân Việt Nam. Còn kẻ bạo ngược là giặc Minh xâm lược lúc bấy giờ.

Câu 5:

Để khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc, tác giả đã dựa vào những yếu tố:

- + Nền văn hiến từ lâu đời: nền văn hiến đã lâu
- + Phong tục tập quán
- + Lịch sử hình thành và phát triển riêng
- + Chế độ nhà nước riêng, bình đẳng, ngang tầm với các triều đại Trung Quốc

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Bên cạnh những sự sắc bén về nội dung, đoạn trích Nước Đại Việt ta còn để lại dư âm thuyết phục trong lòng người đọc bởi nghệ thuật đặc sắc

Triển khai: Triển khai làm rõ những giá trị nghệ thuật văn bản:

- Giọng văn hào hùng, đanh thép, sáng khoái.
- Sử dụng những từ ngữ chuẩn xác, trang trọng, giàu hình ảnh gợi cảm: thể hiện tính chất *hiển nhiên, vốn có, lâu đời* của nước Đại Việt độc lập tự chủ : *việc nhân nghĩa – yên dân; quân điếu phạt – trừ bạo; tiêu vong bắt sống, giết tươi...*
- Sử dụng biện pháp so sánh: so sánh nước ta với Trung Quốc , đặt ngang hàng với Trung Quốc về tổ chức chính trị, quản lí quốc gia, thể hiện niềm tự hào của dân tộc ta: *từ Triệu, Đinh Lí, Trần.....đời nào cũng có.*
- Sử dụng biện pháp liệt kê: để khắc sâu những điều cần nói: về nền độc lập tự chủ của nước ta, về chiến thắng của ta và thất bại của địch: *Vốn xưng nền văn hiến đã lâu...cũng khác; Lưu Cung tham công...giết tươi Ô Mã.*

- Sử dụng các câu văn biền ngẫu cân đối, nhịp nhàng: *Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần...đời nào cũng có*
- *Đoạn văn kết hợp lí lẽ và dẫn chứng (thực tiễn) thuyết phục*

Kết đoạn: Những thành công về nghệ thuật nói trên đã góp phần không nhỏ khiến Bình Ngô Đại cáo trở thành áng tuyên ngôn bất hủ đầy tự hào của Đại Việt.

ĐỀ 16

Phần I: Đọc – hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học không biết rõ đạo.” Đạo là lẽ đối xử hàng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều ấy. Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nên chính học đã bị thất truyền. Người ta đua nhau lối học hình thức hòng cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương, ngũ thường. Chúa tâm thường, thần nịnh hót. Nước mất, nhà tan đều do những điều tệ hại ấy.”

(Ngữ văn 8- tập 2)

Câu 1. Đoạn văn trên được trích từ văn bản? Tác giả là ai?

Câu 2. Xác định thể loại văn bản.

Câu 3. Câu *"Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo."* thuộc kiểu câu gì? Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn trên.

Câu 4. Trong đoạn văn trên, tác giả có bàn đến mục đích chân chính của việc học. Em hiểu mục đích đó là gì?

Phần II: Tập làm văn

Câu 1: Hãy viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về lợi ích của tự học.

Câu 2 : M.Gorki từng nói: Sách mở rộng ra trước mắt tôi những chân trời mới. Em có suy nghĩ về câu nói trên

Hãy giải thích.

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

- Đoạn trích trên trích trong văn bản: Bàn luận về phép học.

- Tác giả: Nguyễn Thiếp

Câu 2:

- Thể loại: Tấu

Câu 3:

- Câu "*Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo.*" là câu phủ định.

- Biện pháp tu từ so sánh cụ thể với hình ảnh so sánh và hình ảnh được so sánh: người không học (*không biết đạo*) **như** ngọc không mài (*không sáng*).

- Tác dụng:

+ Giúp người đọc nhận thức được sự học cần là cần thiết với mỗi con người: ngọc có mài mới thành đồ vật sáng, người có học mới biết đạo

+ Việc mài ngọc cần phải kiên trì, cẩn thận, có ý chí quyết tâm ngọc mới thành đồ vật, đẹp và sáng cũng như sự học con người cần kiên trì tỷ mỉ và quyết tâm mới hiểu rõ đạo, đúng hướng...

- Tạo nên cách diễn đạt sinh động, hấp dẫn gây ấn tượng...

Câu 4:

- Mục đích chân chính của việc học là học để làm người. Mục đích chân chính của việc học:

- Học để biết rõ đạo, để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần làm hưng thịnh đất nước, chứ không phải học để cầu danh lợi.

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Để thành công, ai cũng hiểu chúng ta cần học tập và một trong số những con đường học tập hiệu quả chính là tự học

Triển khai:

- Tự học hiểu đơn giản chính là mỗi người, ngoài học tập tại trường lớp có sự giúp đỡ của thầy cô giáo, sẽ tự tìm tòi qua sách vở, qua các phương tiện hỗ trợ để mở rộng vốn hiểu biết.
- Tự học có lợi ích to lớn đối với chúng ta:

- + Học tập vốn là một quá trình lâu dài, nhờ tự học, con người có thể tiếp tục củng cố kiến thức cũ và mở rộng thêm những kiến thức mới .
- + Không chỉ vậy, tự học giúp ta có sự linh hoạt, chủ động, khẳng định năng lực tự lập.
- + Ngoài ra, thông qua tự học, chúng ta có thể tìm hiểu về những gì mình thực sự thích, thực sự đam mê, điều đó thể hiện sự trân trọng đối với kiến thức nhân loại.
- Tự học biểu hiện ở việc tự hoạch định cho mình kế hoạch học tập, tìm tài liệu qua sách báo, internet, học ở nhà qua các trang web học tập...
- Nhiều minh chứng chứng minh tự học dẫn đến thành công như Mạc Đĩnh Chi tự học thi đỗ Trạng nguyên hay Soichiro Honda từ thợ sửa xe thành nhà chế tạo nổi tiếng.
- Tự học có lợi ích to lớn, nhưng không phải ai cũng hiểu. Coi nhẹ tự học sẽ biến chúng ta trở thành những người thụ động, từ đó rất khó đạt được thành công.

Kết đoạn: Rèn luyện tinh thần tự học không khó, chỉ cần chúng ta biết tự mình sử dụng thời gian để nghiên cứu, học hỏi qua thực tế, biết kỉ luật thực hiện mục tiêu mình đặt ra,...chắc chắn, tự học sẽ mở ra thành công với mọi người.

ĐỀ 17

Phần I: Đọc – hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều ấy. Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền. Người ta đua nhau lối học hình thức hòng cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương, ngũ thường. Chứa tâm thường, thần nịnh hót. Nước mất, nhà tan đều do những điều tệ hại ấy”.

(Ngữ văn 8- tập 2)

Câu 1. Đoạn văn trên được trích từ văn bản? tác giả là ai? Trình bày hoàn cảnh sáng tác văn bản ấy?

Câu 2. Mục đích của việc học được tác giả nêu trong đoạn trích trên là gì?

Câu 3. Kiểu hành động nói nào được thực hiện trong câu: *Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền.*

Câu 4: Em hiểu thế nào là lối học hình thức? Cho biết tác hại của lối học ấy.

Phần II: Tập làm văn

Câu 1: Từ nội dung đoạn ngữ liệu trên, hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về mục đích học tập của các bạn trẻ hiện nay.

Câu 2 : Trò chơi điện tử là môn tiêu khiển hấp dẫn. Nhiều bạn vì mải chơi mà sao nhãng học tập và còn vi phạm những sai lầm khác. Hãy nêu ý kiến của em về hiện tượng đó.

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

- Đoạn trích trên trích trong văn bản: Bàn luận về phép học.
- Tác giả: Nguyễn Thiếp
- Hoàn cảnh sáng tác: Nguyễn Thiếp làm quan một thời gian dưới triều Lê rồi về dạy học. Khi Quang Trung xây dựng đất nước đã viết thư mời ông giúp dân giúp nước về mặt văn hóa giáo dục, vì vậy tháng 8 năm 1791, Nguyễn Thiếp đã dâng lên vua bản tấu này

Câu 2:

- Mục đích của việc học được tác giả nêu trong đoạn trích là để biết rõ đạo, tức là hiểu lẽ đối xử giữa con người với con người

Câu 3:

Kiểu hành động nói nào được thực hiện trong câu: *Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền. là kiểu hành động trình bày.*

Câu 4:

- Lối học hình thức là lối học thuộc lòng, học vẹt, học mà không hiểu, học trong sách vở mà không gắn với thực tiễn, học nhưng không đi đôi với hành
- Tác hại của lối học ấy:
 - + Có danh mà không thực chất
 - + Những người học hình thức sẽ không bao giờ có được sự thành công lâu dài
 - + Kéo theo hệ lụy như gian dối, không trung thực

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Văn bản Bàn luận về phép học đã khiến thế hệ trẻ hôm nay thực sự cần suy nghĩ nghiêm túc về mục đích chân chính trong việc học của mình.

Triển khai:

- Nhiều bạn trẻ đã xác định đúng đắn, động cơ mục đích học tập của bản thân có ý thức phấn đấu, rèn luyện:

+ Học để trau dồi trang bị tri thức, kĩ năng, kinh nghiệm, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, năng lực cho bản thân làm hành trang bước vào đời

+ Học để đem tài năng, sức trẻ ra để cống hiến làm những việc làm có ý nghĩa cho bản thân cho gia đình, cho quê hương, cho đất nước;

- Nhiều học sinh chưa xác định được động cơ, mục đích học tập của bản thân:

+ Nhận thức mục đích học tập còn lệch lạc, phiến diện

+ Chưa ý thức được đầy đủ động cơ mục đích học tập của bản thân nên còn học lệch, học tủ, học đối phó, học thiếu ý chí quyết tâm, ỷ lại, chây lười,

- HS xây dựng được nhận thức và hành động đúng đắn:

+ Cần có những nhận thức đúng đắn về mục đích học tập;

+ Cần xây dựng ý chí quyết tâm phấn đấu, rèn luyện

Kết đoạn: Nêu mỗi bạn trẻ có thể xác định được mục đích học tập đúng đắn, đất nước ta sẽ ngày một phát triển, vươn tới sánh vai với năm châu.

ĐỀ 18

Phần I: Đọc – hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

" Để ghi nhớ công lao người lính An Nam, chẳng phải người ta đã lột hết tất cả của cải của họ, từ chiếc đồng hồ, bộ quần áo mới toanh mà họ bỏ tiền túi ra mua, đến các vật kỉ niệm đủ thứ, v.v...trước khi đưa họ đến Mác-xây xuống tàu về nước đó sao? Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt, không giường nằm, không ánh sáng, thiếu không khí đó sao? Về đến xứ sở, chẳng phải họ đã được một quan cai trị biết ơn đón chào nồng nhiệt bằng một bài diễn văn yêu nước: " Các anh đã bảo vệ tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi!" đó sao?".

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai? Trình bày hoàn cảnh sáng tác của văn bản ấy.

Câu 2: Xác định PTBĐ chính của văn bản

Câu 2: Em hãy cho biết nhan đề của văn bản có ý nghĩa gì?

Câu 3: Câu *Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao?* Thuộc kiểu câu gì? Hành động nói là gì?

Phần II: Tập làm văn

Câu 1: Hãy viết đoạn văn làm sáng tỏ câu chủ đề sau: *“Một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của Thuế Máu là nghệ thuật châm biếm, trào phúng sắc sảo.”*

Câu 2 : Nhà văn Nguyễn Bá Học nói: *"Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông"*. Em hiểu câu nói đó như thế nào? Hãy giải thích.

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

- Đoạn trích trên trích trong văn bản: Thuế máu
- Tác giả: Nguyễn Ái Quốc
- Hoàn cảnh sáng tác văn bản: Văn bản được viết bằng tiếng Pháp vào khoảng những năm 1921-1925, được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1925 tại Pháp, ở Việt Nam vào năm 1946

Câu 2:

Ý nghĩa nhan đề :“ Thuế máu” :

- Thuế máu- nhan đề bóc trần luận điệu khai hóa, bảo hộ của thực dân Pháp.
- Người dân thuộc địa phải gánh chịu nhiều thứ thuế bất công vô lí. Song có lẽ một thứ thuế tàn nhẫn, phũ phàng nhất là bị bóc lột xương máu, mạng sống. Thuế máu là cách gọi của NAQ. Cái tên thuế máu gọi lên số phận thảm thương của người dân thuộc địa, bao hàm lòng căm phẫn, thái độ mỉa mai đối với tội ác đáng ghê tởm của chính quyền thực dân
- Nhan đề độc đáo, có giá trị tố cáo tội ác của thực dân Pháp

Câu 3:

- Câu *Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao?* thuộc kiểu câu nghi vấn
- Hành động nói là khẳng định

Câu 4:

- Kiểu hành động nói được thực hiện trong câu: *Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền là hành động trình bày*

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Khẳng định nhận định “*Một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của Thuế Máu là nghệ thuật châm biếm, trào phúng sắc sảo*”

Triển khai:

- Xây dựng một hệ thống hình ảnh sinh động, giàu tính biểu cảm và sức mạnh tố cáo, các thủ pháp nghệ thuật tương phản để vạch trần giọng lưỡi, thủ đoạn bịp bợm của bọn thực dân trong việc bắt nô lệ “bản xứ” làm bia đỡ đạn. (hình ảnh được xây dựng đều có tính xác thực, phản ánh chính xác tình trạng thực tế....Các hình ảnh vừa mang tính chất châm biếm, trào phúng sắc sảo và xót xa..)
- Ngôn từ mang màu sắc trào phúng châm biếm sắc sảo như: “Chiến tranh vui tươi”, “lập tức họ biến thành...”, “được phong cho cái danh hiệu tối cao”.... khiến cho giọng văn châm biếm trở nên sâu cay, mỉa mai.
- Giọng điệu trào phúng đặc sắc(giọng điệu giễu cợt, mỉa mai, nhắc lại những mỉa từ, danh hiệu hào nhoáng mà chính quyền thực dân khoác cho người lính thuộc địa để đả kích bản chất lừa bịp, trơ trẽn. Sử dụng thành công giọng điệu giễu nhại, nghệ thuật phản bác...)
- Nghệ thuật lập luận: miêu tả kết hợp với bình luận để châm biếm cái “*Thuế máu*” của bọn thực dân. Nêu lên những con số, những sự thực, đặc biệt tạo nên những lời văn, giọng văn chua cay để vạch trần, lên án những hình thức bóc lột dã man nhất của thực dân Pháp...

Kết đoạn: Kết luận chính nghệ thuật châm biếm, trào phúng đã góp phần không nhỏ làm nên thành công của tác phẩm

ĐỀ 19

Phần I: Đọc – hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Biết bao hứng thú khác nhau ta tập hợp được nhờ cách ngao du thú vị ấy, không kể sức khỏe được tăng cường, tính khí trở nên vui vẻ. Tôi thường thấy những kẻ ngồi trong các cỗ xe tốt chạy rất êm nhưng mơ màng, buồn bã, cúi kinh hoặc đau khổ; còn những người đi bộ lại luôn luôn vui vẻ, khoan khoái và hài lòng với tất cả. Ta hân hoan biết bao khi về gần đến nhà! Một bữa cơm đạm bạc mà sao có vẻ ngon lành đến thế! Ta thích thú biết bao khi lại ngồi vào bàn ăn! Ta ngủ ngon giấc biết bao trong một cái giường tồi tàn! Khi ta chỉ muốn đến một nơi nào, ta có thể phóng bằng xe ngựa trạm; nhưng khi ta muốn ngao du, thì cần phải đi bộ.”

(Ngữ văn 8- tập 2)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?

Câu 2: Xác định PTBD của đoạn văn

Câu 3: Các câu văn sau: “Ta hân hoan biết bao khi về gần đến nhà! Một bữa cơm đạm bạc mà sao có vẻ ngon lành đến thế!” được viết theo kiểu câu gì phân theo mục đích nói? Mỗi câu được trình bày theo mục đích nào?

Câu 4: Đoạn văn trên tác giả muốn nhấn mạnh điều gì? Qua đó ta thấy tác giả là người như thế nào?

Phần II: Tập làm văn

Câu 1: Hãy viết đoạn văn làm rõ luận điểm sau: Những chuyến tham quan, du lịch đem đến cho ta nhiều niềm vui

Câu 2 : Tục ngữ có câu Im lặng là vàng. Nhưng nhà thơ Tố Hữu lại viết” Khóc là nhục. Rên, hèn. Van, yếu đuối. Và đại khờ là những lũ người câm. Trên đường đi như những bóng thâm nhận đau khổ mà gửi vào im lặng. Mỗi nhận xét trên đúng trong trường hợp nào

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

- Đoạn trích trên trích trong văn bản: **Đi bộ ngao du** (trích Ê – min hay Về giáo dục)
- Tác giả: **Ru- xô**

Câu 2:

Phương thức biểu đạt: Nghị luận kết hợp tự sự và miêu tả, biểu cảm.

Câu 3:

- Hai câu văn đó đều là câu cảm thán.
- Mục đích : bộc lộ cảm xúc vui sướng

Câu 4:

- Đi bộ ngao du có tác dụng tốt đối với sức khỏe và tinh thần của mỗi người chúng ta...
- Qua đó ta thấy tác giả là người giản dị, yêu tự do và yêu thiên nhiên.

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Xã hội ngày càng phát triển, con người dần có xu hướng “xê dịch” nhiều hơn, có lẽ bởi họ đã thực sự nhận ra giá trị của những chuyến tham quan, du lịch trong việc đem lại niềm vui cho con người.

Triển khai:

- Tham quan, du lịch là việc con người rời khỏi nơi mình đang sống đến một nơi khác hơn để ngắm cảnh hay trải nghiệm.

- Những chuyến tham quan du lịch có tác dụng to lớn:

+ Trước hết, chúng ta có thể giải tỏa áp lực và sự mệt mỏi về thể chất vì đi tham quan là lúc ta được nghỉ ngơi hưởng thụ.

+ Thêm nữa, đến những nơi mới, chúng ta sẽ được nhìn ngắm và trải nghiệm những phong cảnh đẹp hơn, lạ hơn, điều này gây ấn tượng về tinh thần.

+ Sau mỗi chuyến du lịch, con người luôn cảm thấy thư thái về tinh thần để có thể tiếp tục công việc hiệu quả nhất.

+ Tham quan du lịch bên cạnh việc bồi dưỡng thể chất, tâm hồn còn giúp chúng ta mở rộng tầm hiểu biết, tiếp xúc với nhiều nét văn hóa bản địa mỗi vùng sẽ tăng trải nghiệm sống.

+ Con người có thể thu nhận thêm bao điều mới mẻ, biết đâu cũng sẽ gặp gỡ và kết thêm được nhiều bạn mới, đó chẳng phải là một niềm vui, niềm thú vị hay sao?

Kết đoạn: Khẳng định: Tất cả những lợi ích to lớn trên đã chứng minh vai trò to lớn của tham quan du lịch đem đến nhiều niềm vui cho mỗi con người.

ĐỀ 20

Phần I: Đọc – hiểu

Đọc bài thơ sau đây và trả lời câu hỏi:

Sáng ra bờ suối, tối vào hang,
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng,
Cuộc đời cách mạng thật là sang

(Ngữ văn 8- tập 2)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai? Trình bày hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

Câu 2: Xác định thể thơ và PTBD của bài thơ.

Câu 3: Câu thơ “ Sáng ra bờ suối, tối vào hang,
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.”

thuộc kiểu câu nào?

Câu 4: Qua bài thơ, con người tác giả được bộ lộ như thế nào?

Câu 5: Khái quát giá trị nội dung – nghệ thuật của bài thơ.

Phần II: Tập làm văn

Câu 1: Hãy viết đoạn văn nêu ý kiến về hiện tượng phá hoại cây xanh nơi cộng cộng.

Câu 2 : Thuyết minh về một ngôi chùa cổ Việt Nam

Gợi ý

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

- Đoạn trích trên trích trong văn bản: Tức cảnh Pác Bó
- Tác giả: Hồ Chí Minh
- Hoàn cảnh sáng tác: Sau ba mươi năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, tháng 2-1941 Bác Hồ trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở trong nước. Khi đó, Người sống và làm việc trong một điều kiện hết sức gian khổ nhưng Bác vẫn vui vẻ lạc quan. Bài thơ Tức cảnh Pác Bó là một trong những tác phẩm Người sáng tác trong thời gian này.

Câu 2:

Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

Phương thức biểu đạt: Nghị luận kết hợp tự sự và miêu tả, biểu cảm.

Câu 3:

- Câu thơ “ Sáng ra bờ suối, tối vào hang - Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.” thuộc kiểu câu trần thuật.

Câu 4:

- Qua bài thơ, ta thấy Bác Hồ hiện lên là người luôn yêu quý, sống gần gũi, hòa hợp với thiên nhiên, có một phong thái ung dung, hiên ngang, chủ động, lạc quan và luôn yêu cuộc sống

Câu 5:

- Giá trị nội dung
- Bài thơ thể hiện tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác trong cuộc sống cách mạng gian khổ
 - Giá trị nghệ thuật
- Sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật
- Giọng thơ trong sáng, sâu sắc, thể hiện sự lạc quan trong hoàn cảnh khó khăn
- Ngôn từ sử dụng giản dị, đời thường.

Phần II: Tập làm văn

Câu 1:

Gợi ý:

Mở đoạn: Cây xanh có vai trò vô cùng quan trọng trong việc duy trì sự sống trên Trái đất, thế nhưng hiện nay “lá phổi” ấy đang dần bị hủy hoại do hiện tượng chặt phá cây xanh tràn lan nơi công cộng.

Triển khai:

- Chặt phá cây xanh đơn giản chính là phá hủy sự sống của cây. Việc làm đó cụ thể như việc bẻ cành, chặt cây, đốn cây...
- **Trình bày nguyên nhân dẫn đến hiện tượng:**
 - + Nguyên nhân chính là do cá nhân con người không ý thức được việc làm của mình có thể gây ra biến đổi khí hậu, thiên tai đe dọa đời sống, hoặc vì lợi ích kinh tế trước mắt mà không nghĩ đến hậu quả lâu dài.
 - + Các cơ quan chức năng quản lí và xử lí không hiệu quả, còn dung túng cho những hành vi sai phạm.
- **Định hướng hành động:**
 - + Như chúng ta đều biết, cây xanh điều hòa khí hậu, vậy nếu như con người cứ tiếp tục chặt phá cây xanh thì tương lai cuộc sống của chúng ta sẽ ra sao? Câu hỏi ấy có lẽ không khó để trả lời.
 - + Vì vậy để bảo vệ màu xanh của Trái Đất, mỗi người cần tự ý thức được vai trò to lớn của cây xanh đối với cuộc sống của mình, trồng cây, phủ xanh đồi trọc, trồng cây gây rừng... Các cơ quan chức năng cần xử lí nghiêm những hành vi chặt phá cây xanh.

Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề: Bảo vệ cây xanh chính là duy trì sự sống cho con người chúng ta

